

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 11-3-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Phượng.
2. Bà Lê Thị Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện A, tỉnh Kiên Giang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Xuân T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông Lê Xuân T và vợ là bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã T, huyện P. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về quan điểm sống, bà N không toàn tâm toàn ý sống chung với gia đình chồng và yêu cầu ông T phải về quê vợ sinh sống. Sau khi mang thai được ba tháng, bà N quyết định về quê sinh con, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều. Nay ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là Lê Trường P, sinh ngày 09-4-2020. Nếu ly hôn, ông T giao con cho vợ nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N thống nhất với trình bày của ông T về việc xác lập quan hệ hôn nhân, con chung. Bà N thừa nhận trong cuộc sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng không có cãi vã, xô xát hay bạo lực gia đình. Khi bà có thai được 3 tháng thì về quê sinh con từ tháng 10 năm 2019 đến nay và vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết, bà N thấy mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi con. Tại phiên tòa, bà N nhận thấy ông T không còn tình cảm với mẹ con bà nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Bà N và ông T có một người con chung là Lê Trường P, sinh ngày 09-4-2020. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị N ly hôn. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Trường P, sinh ngày 09-4-2020 cho bà N nuôi dưỡng, yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị N cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Lê Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa ông T và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2019, bà N về quê sinh con và vợ chồng sống ly thân

từ đó cho tới nay. Trong thời gian sống ly thân, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, lại phát sinh thêm mâu thuẫn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và bà N đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị N ly hôn là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông T và bà N có 01 con chung là Lê Trường P, sinh ngày 09-4-2020. Ông T và bà N thỏa thuận nếu ly hôn thì giao con cho bà N nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của ông T và bà N là phù hợp đúng pháp luật nên công nhận.

[2.3] Về chia tài sản, nợ chung: Ông T và bà N khai là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39; 147, 228, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị N ly hôn.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị N. Giao cháu Lê Trường P, sinh ngày 09-4-2020 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P thành niên đủ 18 tuổi. Ông Lê Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (*ba triệu*) đồng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, nếu bên phải thi hành án không T toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Xuân T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

tòa án số 0010311, ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Ông T còn phải nộp đã nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/3/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Lộc;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành

